CHƯƠNG TRÌNH NGHỊ SỰ
KINH TẾ SONG PHƯƠNG TRUNG HẠN
GIỮA
CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VÀ
CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA CU-BA

Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, sau đây gọi tắt là "bên Việt Nam" và Chính phủ nước Cộng hòa Cu-ba, sau đây gọi tắt là "bên Cu-ba", căn cứ Bản ghi nhớ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Cộng hòa Cu-ba về xây dựng chương trình nghị sự kinh tế song phương, ký ngày 07 tháng 8 năm 2013 tại Hà Nội, hai Bên đã thỏa thuận chương trình nghị sự kinh tế song phương trung hạn với các điều kiện sau:

Lời giới thiệu

Mối quan hệ giữa Việt Nam và Cu-ba đang trải qua thời điểm tốt đẹp nhất trong lịch sử, giữa hai nước thường xuyên trao đổi đoàn cấp cao, các ngành và các lĩnh vực của đời sống xã hội hai nước có mối quan hệ và tiếp xúc chặt chẽ.

Quan hệ song phương đã đi vào giai đoạn phát triển cao nhất, hai nước đang có sự hợp tác chặt chẽ trong các vấn đề quốc tế và khu vực, ủng hộ lẫn nhau trong những vấn đề quốc tế nổi bật và những vấn đề có liên quan đến lợi ích cơ bản của mỗi nước.

Trong những năm gần đây, mối quan hệ về chính trị, kinh tế và thương mại giữa Việt Nam và Cu-ba ngày càng được củng cố. Hiện tại, Việt Nam đã trở thành đối tác thương mại lớn thứ 2 của Cu-ba tại khu vực Châu Á và Châu Đại dương.

Trong Tuyên bố chung ký giữa hai nước nhân chuyến thăm chính thức Cu-ba của đồng chí Nguyễn Phú Trọng, Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam vào tháng Tư năm 2012, lãnh đạo hai nước đã bày tỏ hài lòng về sự phát triển đạt được trong mối quan hệ song phương và chia sẻ mong muốn tiếp tục tăng cường hơn nữa mối quan hệ chính trị và trao đổi lý luận, kinh nghiệm thực tiễn về những vấn đề mà hai Bên cùng quan tâm; tranh thủ tiềm năng của mỗi nước nhằm mở rộng và đa dạng hóa hợp tác song phương trên nhiều lĩnh vực và tìm kiếm các cơ chế để thúc đẩy hợp tác.

Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế
Bộ Ngoại giao

Trong các cuộc gặp gỡ trao đổi giữa lãnh đạo cấp cao của Việt Nam và Cu-ba, hai Bên đã đánh giá tích cực sự cần thiết xây dựng mối quan hệ kinh tế song phương với tầm nhìn trung và dài hạn, phù hợp và có tính đến các tiền đề và mục tiêu đề ra trong Kế hoạch 5 năm phát triển kinh tế quốc gia của Cu-ba giai đoạn 2011-2015 và dự báo đến 2016, Đường lối chính sách kinh tế và xã hội của Đảng và Cách mạng đã được thông qua tại Đại hội VI Đảng Cộng sản Cu-ba, cũng như Chiến lược phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2012-2020, đã được bổ sung và mở rộng trong năm 2011, được thông qua tại Đại hội XI Đảng Cộng sản Việt Nam.

Có tính đến tiềm năng to lớn và cơ hội mà sự hợp tác bổ sung mang lại cho nhau, sự tin tưởng lẫn nhau, nguyện vọng và mối quan tâm chung, nhằm đưa quan hệ kinh tế song phương giữa hai nước chuyển sang giai đoạn cao hơn, căn cứ vào các thỏa thuận trong Biên bản Ghi nhớ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Cu-ba ký ngày 07/8/2013 tại Hà Nội , Việt Nam, hai bên đã thống nhất Chương trình Nghị sự kinh tế song phương trung hạn, trong đó xác định chiến lược chủ đạo để hai nước sử dụng như kim chỉ nam phấn đấu tăng cường quan hệ kinh tế và thương mại trong 5 năm tới.

Chương I

Nguyên tắc và Mục đích

Để thúc đẩy phát triển toàn diện và sâu sắc mối quan hệ kinh tế giữa Việt Nam và Cu-ba, tăng cường hơn nữa quan hệ hợp tác hữu nghị và cùng có lợi, hai Bên nhất trí xây dựng Chương trình Nghị sự kinh tế song phương trung hạn trên tinh thần bình đẳng, lợi thế so sánh của mỗi nước và tạo sự bổ sung lẫn nhau nhằm đạt được kết quả có lợi cho cả hai Bên.

Chương trình Nghị sự xác định mục đích, mục tiêu cụ thể và định hướng đối với hợp tác song phương trong 5 năm tới nhằm mở rộng và làm sâu sắc sự hợp tác này.

Từ việc triển khai thực hiện Chương trình Nghị sự, hai bên sẽ đa dạng hóa hợp tác song phương, mở ra những chân trời mới cho cơ hội kinh doanh và đầu tư chung. Những mục tiêu chính của Chương trình Nghị sự kinh tế song phương:

1. Đưa ra tầm nhìn chiến lược của mối quan hệ kinh tế song phương trung hạn và dài hạn, có tính đến sự phát triển bối cảnh quốc tế.
2. Mở rộng, làm sâu sắc hơn mối quan hệ kinh tế song phương trên tất cả các lĩnh vực.

Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế
Bộ Ngoại giao

3. Thúc đẩy trao đổi thương mại hàng hóa và dịch vụ, gia tăng đầu tư chung và tăng cường hợp tác trong các lĩnh vực khác nhau.

4. Phối hợp chặt chẽ hơn các sáng kiến kinh tế và thương mại trong những lĩnh vực hợp tác mà hai Bên cùng quan tâm.

5. Xác định những lĩnh vực ưu tiên hợp tác kinh tế và thương mại song phương trong 5 năm tới.

6. Phối hợp cùng tham gia hợp tác tại thị trường thứ ba.

7. Giám sát, đánh giá các mục tiêu đã đề ra và các hoạt động phát triển hợp tác chiến lược.

8. Tăng cường trao đổi kinh nghiệm giữa hai nước trong những lĩnh vực hai Bên cùng quan tâm.

Chương II

Các nhiệm vụ hợp tác kinh tế chính

I. Mở rộng và đa dạng hóa trao đổi thương mại hàng hóa và dịch vụ.

1. Hai Bên sẽ rà soát lại Hiệp định về trao đổi thương mại và các hình thức hợp tác kinh tế khác ký giữa hai Chính phủ ngày 8 tháng 4 năm 1996 và xúc tiến việc ký kết Hiệp định thương mại mới giữa hai nước, tạo thuận lợi cho hàng hóa của mỗi nước được tiếp cận tự do tại thị trường của nhau và góp phần phát triển thương mại dịch vụ và đầu tư, có tính đến các thay đổi về cơ cấu của nền kinh tế Cu-ba cũng như kinh tế quốc tế.

2. Hai Bên sẽ làm việc tích cực và tạo điều kiện thuận lợi để mở rộng và đa dạng hóa trao đổi thương mại hàng hóa và dịch vụ hai chiều.

3. Phía Cu-ba sẽ củng cố và gia tăng xuất khẩu thuốc và sản phẩm công nghệ sinh học do Cu-ba sản xuất, cũng như nỗ lực nhằm đa dạng hóa hơn nữa cơ cấu hàng hóa xuất khẩu sang Việt Nam.

4. Trong lĩnh vực dịch vụ y tế, phía Cu-ba sẽ cung cấp các dịch vụ y tế theo nhiều phương thức khác nhau, đáp ứng mối quan tâm ngày càng tăng của các doanh nghiệp và cơ sở y tế của Việt Nam, khả năng phát triển và bố trí nguồn nhân lực hiện có. Theo hướng này, trong những trường hợp có thể, phía Cu-ba sẽ làm việc theo hướng kết hợp chương trình cung cấp dịch vụ y tế Cu-ba với việc cung cấp thuốc và sản phẩm công nghệ sinh học của Cu-ba. Sẽ hợp tác với Bộ Y tế Việt Nam để triển khai các chương trình y tế cho phép đưa

Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế Bộ Ngoại giao

vào hoặc tăng cường sự hiện diện của thuốc và sản phẩm công nghệ sinh học của Cu-ba trên thị trường Việt Nam. Phía Cu-ba cũng sẵn sàng nhận đào tạo có trả phí ở trình độ đại học và trên đại học các chuyên ngành hiện đang được giảng dạy tại các trường Đại học Y khoa của Cu-ba.

5. Hai Bên sẽ cùng làm việc để thúc đẩy quảng bá du lịch hai nước cũng như việc trao đổi giữa các công ty, các đơn vị du lịch, tăng cường mối quan hệ và hợp tác giữa các hãng lữ hành của hai nước. Khuyến khích các doanh nghiệp Việt Nam xuất khẩu sang Cu-ba các loại hàng hóa vật tư phục vụ du lịch, cũng như phát triển các hình thức du lịch kết hợp kinh doanh, du lịch sức khỏe, với nòng cốt là các công ty Việt Nam đang hoạt động tại Cu-ba trong các ngành nghề và lĩnh vực kinh tế khác.

6. Phía Cu-ba sẽ xúc tiến thực hiện các khóa học dành cho cán bộ quản lý, chuyên gia, nghiên cứu viên và giảng viên của Việt Nam ở trình độ thạc sỹ và các khóa đào tạo sau đại học ở Cu-ba, cũng như nhận mở các khóa đào tạo chuyên ngành tiếng Tây Ban Nha tại các cơ sở giáo dục của Việt Nam.

7. Phía Cu-ba sẽ xúc tiến xuất khẩu dịch vụ và công nghệ sản xuất đường mía.

8. Phía Cu-ba sẽ xúc tiến xuất khẩu chuyên gia trong lịch vực xây dựng, bao gồm cả cung cấp thiết kế và kỹ thuật xây dựng.

9. Phía Cu-ba sẽ xúc tiến xuất khẩu chuyên gia văn hóa trong các hoạt động như quản lý văn hóa, giảng dạy nghệ thuật, hoạt động văn hóa cộng đồng và thiết kế các chương trình văn hóa.

10. Phía Cu-ba sẽ xúc tiến xuất khẩu dịch vụ phòng trừ sâu bệnh và sử dụng chế phẩm sinh học do Tập đoàn Labiofam Cu-ba phát triển.

11. Hai Bên sẽ triển khai các sáng kiến nhằm tạo điều kiện cho các doanh nghiệp Việt Nam xuất khẩu hàng hóa của mình vào thị trường các nước Mỹ la tinh và vùng Caribe, cũng như các doanh nghiệp Cu-ba xuất khẩu hàng hóa vào thị trường các nước Châu Á, đặc biệt là các nước Đông Nam Á, trên cơ sở tranh thủ sự hiện diện của nước này hoặc nước kia tại các khu vực này.

12. Phía Cu-ba sẽ tiếp tục nhập khẩu gạo từ thị trường Việt Nam, có tính đến kinh nghiệm đã tích lũy được và chuỗi dịch vụ logistic đã được hình thành từ nhiều năm qua cũng như sự sẵn sàng của Chính phủ Việt Nam tiếp tục cung cấp gạo cho Cu-ba. Phía Việt Nam sẽ đảm bảo cung cấp cho Cu-ba đến 300 nghìn tấn gạo theo phương thức hiện hành đã được Chính phủ hai nước đồng thuận, có tính đến từng bước áp dụng thông lệ thương mại quốc tế.

Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế
Bộ Ngoại giao

13. Phía Cu-ba sẽ tăng cường nhập khẩu từ Việt Nam một số hàng hóa mà Cu-ba có nhu cầu như than antraxit sử dụng trong sản xuất và chế biến niquel, cà phê, nguyên liệu và vật tư phục vụ ngành công nghiệp nhẹ, cũng như hàng tiêu dùng và nguyên vật tư phục vụ các ngành kinh tế khác.

II. Xúc tiến đầu tư chung

1. Hai Bên khuyến khích hợp tác song phương trong lĩnh vực đầu tư chung.
2. Các lĩnh vực phía Việt Nam quan tâm đầu tư vào Cu-ba bao gồm thăm dò và khai thác tài nguyên thiên nhiên, chủ yếu là dầu khí và khoáng sản; năng lượng tái tạo; phát triển du lịch; công nghệ thông tin và truyền thông; nông nghiệp và sản xuất bao bì.
3. Hai Bên sẽ phối hợp khuyến khích các doanh nghiệp Việt Nam tham gia đầu tư vào Đặc khu phát triển Mariel, đóng góp kinh nghiệm, cung cấp hàng hóa, hỗ trợ kỹ thuật, công nghệ tiên tiến và bí quyết (know how), cần thiết cho sự phát triển của Đặc khu.
4. Hai Bên sẽ khuyến khích việc trao đổi kinh nghiệm và thông tin liên quan đến quá trình thu hút đầu tư nước ngoài, nhất là đầu tư nước ngoài gắn với việc thành lập các Đặc khu Phát triển.

III. Tăng cường Hợp tác Tài chính.

1. Hai Bên sẽ nỗ lực tăng cường hợp tác tài chính nhằm góp phần thúc đẩy phát triển và làm sâu sắc hơn nữa mối quan hệ kinh tế và tài chính giữa Việt Nam và Cu-ba.
2. Phía Cu-ba đảm bảo thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đã cam kết với Việt Nam.
3. Hai Bên sẽ tiếp tục tạo thuận lợi cho hợp tác trao đổi song phương giữa Bộ Tài chính Việt Nam và Bộ Tài chính và Vật giá Cu-ba, xuất phát từ mức độ và kết quả hợp tác đã đạt được và trên cơ sở thỏa thuận hợp tác ký giữa hai Bộ.

Chương III

Những lĩnh vực Hợp tác Kinh tế

I. Nông nghiệp và Thủy sản

1. Hai Bên sẽ tích cực thúc đẩy hợp tác kinh tế và thương mại, tập trung vào một số lĩnh vực sau: phối hợp hình thành các dự án hợp tác chung cho phép chuyển giao công nghệ, kiến thức, phương pháp chẩn đoán, đào tạo tập huấn

Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế Bộ Ngoại giao

cho các hộ sản xuất nông nghiệp; triển khai thực hiện các thỏa thuận đã ký giữa hai nước như dự án phát triển sản xuất lúa gạo giai đoạn 4 (2011-2015).

2. Hai Bên sẽ trao đổi thông tin và cung cấp chuyên gia hướng dẫn về phát triển mô hình quản lý kinh tế hiện tại trong lĩnh vực nông nghiệp ở mỗi nước.

3. Hai bên khuyến khích trao đổi kinh nghiệm về mô hình quản lý hợp tác xã và doanh nghiệp nhỏ quy mô hộ gia đình làm nông nghiệp và những vấn đề khác góp phần phát triển nông thôn và gia tăng sản xuất.

4. Hai Bên sẽ mở rộng việc tập huấn cho người sản xuất nông nghiệp và người có quyền sử dụng đất tham gia sản xuất lương thực về kiến thức, kỹ thuật sản xuất, quản lý và quản trị trong lĩnh vực nông nghiệp cũng như trao đổi kinh nghiệm về các chương trình tín dụng phục vụ nông nghiệp.

5. Hai bên sẽ cùng làm việc trong các dự án hợp tác và phát triển công nghệ nhằm đạt được mục tiêu đảm bảo an ninh lương thực và tăng cường mối quan hệ hợp tác, thông qua xác định nguồn vốn vay có thể tiếp cận được để thực hiện các dự án, góp phần thay thế hiệu quả hàng nhập khẩu trong các mục tiêu sau: sản xuất lúa gạo, từng bước tăng dần sản lượng cho đến khi đạt được mục tiêu đề ra, mở rộng dần dần các dự án hợp tác cho đến khi đạt diện tích 30 nghìn ha, tăng năng suất ở những diện tích đã trồng lúa; sản xuất đậu tương, ngô, cao lương, kê và một số ngũ cốc có hạt khác, chế biến bột khoai lang và khoai tây, nguyên liệu làm thức ăn cho người và gia súc.

6. Hai Bên cùng nghiên cứu và xúc tiến phát triển chuỗi sản xuất quốc gia, khuyến khích du nhập công nghệ sau thu hoạch.

7. Thúc đẩy việc hình thành hệ thống tổng hợp trao đổi giống cây trồng có tiềm năng năng suất cao đối với cây ăn quả (quả bơ), cây lương thực có hạt (gạo, ngô và đậu tương), rau màu (sắn) và các cây trồng khác, gắn kết với 1 chương trình nghiên cứu và hướng dẫn kỹ thuật phổ cập ứng dụng kết quả nghiên cứu.

8. Hai Bên sẽ cụ thể hóa việc ký kết hiệp định thú y và bảo vệ thực vật nhằm tạo thuận lợi cho việc trao đổi sản phẩm động thực vật.

9. Tăng cường hợp tác trong lĩnh vực nuôi trồng thủy sản như phát triển một số giống cá nước ngọt và tôm.

10. Đẩy mạnh hợp tác giữa các đối tác Việt Nam và Cu-ba trong lĩnh vực thủy sản như giữa Viện Nghiên cứu Nuôi trồng thủy sản 1 (RIA) và Tập đoàn doanh nghiệp công nghiệp thực phẩm (GEIA).

Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế Bộ Ngoại giao

II. Công nghiệp

1. Hai Bên sẽ phát triển và mở rộng hợp tác trong lĩnh vực công nghiệp nhẹ trên cơ sở Thỏa thuận ký năm 2009 giữa Bộ Công Thương Việt Nam và Bộ Công nghiệp Nhẹ Cu-ba (cũ). Theo hướng này, khuyến khích phát triển thương mại và đầu tư giữa các doanh nghiệp Việt Nam và Cu-ba trong các lĩnh vực may mặc, sản xuất đồ nội thất, da giày, các sản phẩm nhựa và bao bì.
2. Khuyến khích các doanh nghiệp Việt Nam tham gia các dự án liên quan đến ngành công nghiệp cơ khí luyện kim của Cu-ba, chủ yếu là kim khí trên cơ sở hiện đại hóa và tận dụng năng lực sản xuất hiện tại nhằm góp phần thay thế hàng nhập khẩu và gia tăng xuất khẩu.
3. Khởi động lại sự hợp tác với các nhà máy đóng tàu của Việt Nam và xem xét khả năng cung cấp vật tư phục vụ đóng tàu.
4. Khuyến khích các doanh nghiệp Việt Nam tham gia phát triển Chương trình công nghiệp hóa các sản phẩm nông nghiệp, chủ yếu là các sản phẩm sữa, trên cơ sở mở rộng năng lực sản xuất hiện tại của một số sản phẩm như pho mát creme, sữa chua và sữa đặc.

III. Năng lượng

1. Hai Bên sẽ mở rộng và làm sâu sắc hơn nữa hợp tác trong lĩnh vực năng lượng.
2. Hai Bên sẽ phát triển và mở rộng hợp tác giữa hai nước trong lĩnh vực thăm dò và khai thác dầu khí trên đất liền cũng như vùng biển đặc quyền kinh tế của Cu-ba ở vịnh Mê-xi-cô.
3. Khuyến khích phát triển hợp tác giữa hai nước trong lĩnh vực năng lượng tái tạo cũng như phát triển các ứng dụng và sản phẩm điện tử sử dụng nguồn năng lượng tái tạo.
4. Khuyến khích Công ty Dịch vụ Dầu khí Việt Nam (PTSC) tham gia phát triển Căn cứ Dịch vụ Hậu cần Dầu khí dự kiến sẽ thành lập tại Đặc khu Phát triển Mariel (ZEDM).

IV. Công nghệ Thông tin và Viễn thông.

1. Hai Bên sẽ mở rộng và làm sâu sắc hơn nữa sự hợp tác trong lĩnh vực công nghệ thông tin và viễn thông. Khuyến khích thực hiện các dự án phát triển và/hoặc hiện đại hóa ngành công nghiệp viễn thông của Cu-ba hướng vào xuất khẩu và đáp ứng các nhu cầu ưu tiên phát triển của đất nước.

Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế
Bộ Ngoại giao

2. Hai Bên sẽ khuyến khích phát triển các dự án viễn thông và dịch vụ hạ tầng tại khu vực Mỹ Latinh và Caribe, nhằm sử dụng tiềm năng kỹ thuật của Cu-ba, kết hợp với nguồn lực, sản phẩm và thị trường của các doanh nghiệp Việt Nam tại khu vực này và tất cả những gì phía Cu-ba có thể đóng góp.

3. Tiếp tục các nỗ lực cùng với phía Việt Nam tìm ra điều kiện hai Bên cùng chấp nhận được để tham gia các dự án mà các doanh nghiệp Việt Nam thực hiện ở các nước khác.

4. Cùng nhau phát triển các sản phẩm phục vụ ngành viễn thông như thẻ SIM-SCRACH và các sản phẩm khác, thông qua phương thức hình thành liên doanh hoặc thông qua cách thức hợp tác khác nhằm đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

5. Hai Bên sẽ hợp tác phát triển các giải pháp tin học thông qua hình thức liên doanh, từ khâu thiết kế, sản xuất thiết bị và cung cấp dịch vụ đi kèm. Dự án này dự kiến sản xuất thiết bị tin học, bao gồm cả sản phẩm tiêu chuẩn, phù hợp với lợi ích kinh doanh.

6. Khuyến khích phát triển các thiết bị mới và dự án liên quan đến lĩnh vực này, trên cơ sở có được các phòng nghiên cứu hiện đại mà hai Bên cùng đầu tư để phát triển các dịch vụ công nghệ và ứng dụng mới chủ yếu để phục vụ xuất khẩu.

7. Đánh giá khả năng phát triển các dự án tin học hóa xã hội và chính phủ trực tuyến, phù hợp với kinh nghiệm và mối quan tâm của các doanh nghiệp Việt Nam, bao gồm cả việc thành lập các trung tâm dữ liệu.

8. Khuyến khích sản xuất thẻ thông minh và các dự án có liên quan đến dịch vụ này. Cùng nhau phát triển các thiết bị, dịch vụ và giải pháp nghe nhìn cũng như các sản phẩm điện tử nhỏ nhằm đáp ứng nhu cầu trong nước, cung cấp cho ngành du lịch và xuất khẩu.

V. Y tế và Công nghệ sinh học

1. Hai Bên sẽ nỗ lực tăng cường xuất khẩu các sản phẩm và công nghệ được phát triển bởi ngành công nghệ sinh học Cu-ba, sử dụng các phương thức khác nhau và phù hợp với các quy định hiện hành của hai nước.

2. Làm sâu sắc hơn nữa sự hợp tác giữa các cơ quan quản lý dược Việt Nam và Cu-ba như là một cách thức đẩy nhanh hơn các giai đoạn và các quy trình đăng ký sản phẩm mới của Cu-ba.

Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế
Bộ Ngoại giao

3. Hai Bên tăng cường hợp tác để tiến tới thỏa thuận về việc hợp tác sản xuất vắc xin, sản phẩm dược sinh học tại Việt Nam để phục vụ nhu cầu tiêu thụ tại Việt Nam và xuất khẩu thông qua hình thức chuyển giao công nghệ.

4. Hai Bên đã thỏa thuận trao đổi để tiến tới ký kết Hiệp định về Y tế giữa hai nước.

VI. Du lịch

1. Hai Bên sẽ tăng cường hợp tác về du lịch trong những lĩnh vực hai Bên cùng quan tâm.

2. Hai Bên sẽ khuyến khích doanh nghiệp hai nước đầu tư vào lĩnh vực du lịch và nỗ lực để cụ thể hóa các dự án đầu tư hai nước cùng quan tâm.

3. Phía Cu-ba khuyến khích đào tạo nguồn nhân lực cho Việt Nam về du lịch trong các chuyên ngành đào tạo cơ bản tại Cu-ba, cung cấp cho Việt Nam chuyên gia kỹ thuật hoặc lực lượng lao động có tay nghề chuyên môn trong lĩnh vực du lịch.

VII. Phòng Thương mại

Tăng cường hoạt động của Ủy ban hỗn hợp doanh nghiệp Việt Nam - Cu-ba thông qua những hành động cụ thể sau:

a) Khuyến khích nhiều doanh nghiệp Việt Nam hơn nữa tham gia tìm kiếm các cơ hội thương mại và đầu tư mà hai Bên cùng quan tâm, nhằm góp phần đa dạng hóa xuất khẩu các sản phẩm hàng hóa và dịch vụ của Cu-ba vào thị trường Việt Nam, cũng như tìm kiếm các nhà cung cấp và/hoặc khách hàng.

b) Xúc tiến quảng bá về Hội chợ Thương mại quốc tế La Habana thông qua việc gửi sớm các thông tin về Hội chợ, thư mời cũng như điều kiện tham gia.

c) Hỗ trợ tiếp đón các đoàn doanh nghiệp, tổ chức chương trình làm việc, tạo thuận lợi tiếp xúc song phương với các đối tác Cu-ba, thu xếp các cuộc gặp gỡ trao đổi và tổ chức diễn đàn doanh nghiệp theo chức năng.

d) Quan tâm theo dõi kết quả các chuyến thăm đã thực hiện cũng như các cuộc tiếp xúc thương mại nhân dịp được giao tổ chức các chương trình làm việc.

e) Tổ chức các phiên họp của Ủy ban hỗn hợp doanh nghiệp song phương, tạo điều kiền kiện duy trì các cuộc tiếp xúc trực tiếp giữa cộng đồng doanh nghiệp 2 nước, thúc đẩy trao đổi nội dung quan tâm hợp tác và nhận dạng các cơ hội thương mại và kinh doanh mới.

Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế
Bộ Ngoại giao

Chương IV

Cơ chế thực hiện và theo dõi

Hai Bên thống nhất giao cho Ủy ban liên Chính phủ Việt Nam Cu-ba về Hợp tác kinh tế và kỹ thuật, trên nền tảng hệ thống hợp tác hiện tại và phù hợp với Chương trình Nghị sự này, định hướng và phối hợp hợp tác song phương và chịu trách nhiệm đánh giá thực hiện Chương trình Nghị sự này.

Nhằm thực hiện hiệu quả các nội dung ghi trong Chương trình Nghị sự kinh tế song phương, Hai Bên sẽ đàm phán và thỏa thuận các hành động cụ thể và kế hoạch thực hiện trong vòng sáu tháng sau ngày Chương trình được ký và có hiệu lực.

Chương V

Quy định bổ sung

Chương trình này là chiến lược để định hướng triển vọng mối quan hệ kinh tế và thương mại song phương trong 5 năm tới.

Các dự án và hành động cụ thể, tùy theo tính chất sẽ được hai Chính phủ, các cơ quan có liên quan và doanh nghiệp của hai nước thỏa thuận trên cơ sở nhu cầu, mối quan tâm chiến lược và khả năng của các bên.

Những vấn đề không được đề cập đến trong Bản quy hoạch này sẽ được các Bên có liên quan phối hợp giải quyết phù hợp với các nguyên tắc đã được quy định.

Chương trình này có hiệu lực tạm thời kể từ ngày ký và có hiệu lực chính thức vào ngày một Bên nhận được thông báo sau cùng bằng văn bản qua đường ngoại giao về việc hoàn tất các thủ tục pháp lý nội bộ theo luật pháp của mỗi nước để Chương trình có hiệu lực.

Sáu (06) tháng trước ngày Chương trình Nghị sự kết thúc hiệu lực, hai Bên thông qua đàm phán có thể cập nhật và gia hạn Chương trình Nghị sự này.

Các Bên có thể thống nhất về các thay đổi của Chương trình này vào bất cứ thời điểm nào, những thay đổi này sẽ phải được lập thành văn bản và có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trừ khi các Bên thống nhất vấn đề khác, các dự án và chương trình đang được thực hiện tại thời điểm kết thúc Chương trình này, sẽ tiếp tục được phát triển cho đến khi kết thúc hoàn toàn.

Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế
Bộ Ngoại giao

Ký tại La Habana, Cu-ba ngày 27 tháng 3 năm 2014, bằng hai bản gốc, bằng tiếng Việt và tiếng Tây Ban Nha, mỗi Bên giữ một bản, các văn bản có giá trị như nhau.

THAY MẶT CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM	THAY MẶT CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA CU-BA
Trịnh Đình Dũng Bộ trưởng Bộ Xây dựng	Rodrigo Malmierca Diaz Bộ trưởng Bộ Ngoại thương và Đầu tư Nước ngoài Cu-ba

Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế
Bộ Ngoại giao

AGENDA ECONÓMICA BILATERAL A MEDIANO PLAZO ENTRE EL GOBIERNO DE LA REPÚBLICA SOCIALISTA DE VIET NAM Y EL GOBIERNO DE LA REPÚBLICA DE CUBA

El Gobierno de la República Socialista de Viet Nam (en lo sucesivo, "la Parte vietnamita") y el Gobierno de la República de Cuba (en lo sucesivo "la Parte cubana"), basados en el Memorando de Entendimiento entre el Gobierno de la República de Cuba y el Gobierno de la República Socialista de Viet Nam firmado a los siete días del mes de agosto de 2013 en Ha Noi, Viet Nam; Ambas partes acordaron la Agenda Económica Bilateral a mediano plazo en los términos siguientes:

Preámbulo

Las relaciones entre Viet Nam y Cuba están transitando el mejor momento de su historia. Son frecuentes las visitas de alto nivel entre ambos países y estrechas las relaciones y contactos entre diversos sectores de las dos sociedades.

Las relaciones bilaterales han entrado en una etapa de pleno desarrollo, donde los dos países mantienen una estrecha cooperación en los asuntos internacionales y regionales, y se apoyan mutuamente en temas internacionales de gran relevancia y que conciernen a los intereses esenciales de cada país.

En los últimos años, los vínculos cubano-vietnamitas en materia política, económica y comercial se han venido consolidando. En la actualidad, Viet Nam se ha convertido en el segundo socio comercial de Cuba en la región de Asia y Oceanía.

En la Declaración Conjunta suscrita durante la visita oficial del Secretario General del Partido Comunista de Viet Nam a Cuba Co. Nguyen Phu Trong, en abril del año 2012, los dirigentes de ambos países expresaron su satisfacción por el desarrollo alcanzado en las relaciones bilaterales y coincidieron en el interés de seguir fortaleciendo las relaciones políticas y el intercambio de experiencias prácticas y teóricas sobre temas de interés común; aprovechar las potencialidades de cada país para ampliar y diversificar la colaboración bilateral en diferentes esferas y buscar mecanismos que impulsen la cooperación.

Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế
Bộ Ngoại giao

Durante los intercambios sostenidos entre los dirigentes de alto nivel de Viet Nam y Cuba se ha valorado, de forma positiva, la conveniencia de proyectar las relaciones económicas bilaterales con una visión de mediano y largo plazos, en correspondencia y teniendo en cuenta las premisas y propósitos inscritos en el Plan Quinquenal de la Economía Nacional de la República de Cuba para el período 2011-2015 y su Proyección hasta el 2016, y los Lineamientos de la Política Económica y Social del Partido y la Revolución, aprobados en el VI Congreso del Partido Comunista de Cuba, así como la "Estrategia de Desarrollo Socio-Económico 2012-2020", complementada y desarrollada en el año 2011, aprobada en el XI Congreso del Partido Comunista de Viet Nam.

Teniendo en cuenta las importantes potencialidades y oportunidades que ofrece la complementariedad, la confianza mutua y la aspiración e interés común, con vistas a pasar a una etapa superior en las relaciones económicas bilaterales, así como basadas en las disposiciones del Memorando de Entendimiento entre el Gobierno de la República de Cuba y el Gobierno de la República Socialista de Viet Nam, suscrito en fecha 7 de agosto de 2013 en Ha Noi, Viet Nam, las Partes han acordado una Agenda Económica Bilateral a Mediano Plazo que define la estrategia por la que los dos países se guiarán para fortalecer las relaciones económicas y comerciales durante los próximos cinco años.

Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế
Bộ Ngoại giao

Capítulo I

Principios y Objetivos

Con el fin de promover un desarrollo integral y profundo de las relaciones económicas entre Viet Nam y Cuba e intensificar aún más la cooperación amistosa y de beneficio mutuo entre ambos países, ambas Partes acordaron elaborar una Agenda Económica Bilateral a Mediano Plazo en un espíritu de igualdad y en base a sus ventajas comparativas y complementariedad con el fin de obtener resultados de beneficio mutuo.

La Agenda Económica Bilateral define los objetivos, las metas concretas y las directrices para la cooperación bilateral en los próximos cinco años con el objetivo de ampliar y profundizar la misma.

A partir de la implementación de la Agenda, se diversificará la cooperación bilateral, abriendo nuevos horizontes de oportunidades de negocios y de inversiones conjuntas. Los principales objetivos de la Agenda Económica Bilateral son:

1. Adoptar una visión estratégica de las relaciones económicas bilaterales a mediano y largo plazos, considerando además el desarrollo del escenario internacional.
2. Ampliar y profundizar las relaciones económicas bilaterales en todos los ámbitos.
3. Impulsar el comercio bilateral de bienes y servicios, incrementar la inversión conjunta y fortalecer la cooperación en los diversos sectores.
4. Lograr una mayor coordinación de las iniciativas económicas y comerciales en aquellos campos de la cooperación considerados de interés mutuo para ambas Partes.
5. Establecer las áreas prioritarias para la cooperación bilateral económica y comercial para los próximos cinco años.
6. Coordinar la participación conjunta en terceros mercados.
7. Monitorear y evaluar los objetivos establecidos y las actividades para el desarrollo de la cooperación estratégica.
8. Potenciar el intercambio de experiencias nacionales en áreas de interés común.

Capítulo II

Principales Tareas de la Cooperación Económica

I. Ampliar y diversificar el comercio bilateral de bienes y servicios.

1. Ambas Partes revisarán el Convenio sobre el Intercambio Comercial y otras formas de Colaboración Económica suscrito entre los dos gobiernos el 8 de abril de 1996 y promoverán la suscripción de un nuevo Acuerdo Comercial entre los dos países que favorezca el libre acceso de las mercancías a los mercados respectivos, y que contribuya al desarrollo del comercio de servicios y de las inversiones recíprocas, considerando los cambios estructurales de la economía cubana y de la economía internacional.
2. Ambas Partes trabajarán de forma activa y crearán las condiciones favorables para ampliar y diversificar el intercambio comercial de bienes y servicios en ambas direcciones.

Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế
Bộ Ngoại giao

3. La Parte cubana consolidará e incrementará las exportaciones de productos farmacéuticos y biotecnológicos cubanos, así como trabajará por lograr una mayor diversificación de las exportaciones de bienes a Viet Nam.

4. En el campo de los servicios médicos, la Parte cubana ofrecerá servicios médicos en sus diferentes modalidades, atendiendo al interés creciente de las empresas y las instituciones de salud vietnamitas y las posibilidades para su desarrollo y de acuerdo a la disponibilidad de los recursos humanos existentes. En este sentido, siempre que sea posible, trabajará por combinar el programa de los servicios médicos cubanos con el suministro de sus medicamentos y productos biotecnológicos. Cooperará con el Ministerio de Salud de Viet Nam para desarrollar programas de salud que permitan introducir o potenciar la presencia de los medicamentos y productos biotecnológicos cubanos en el mercado vietnamita. Ofrecerá docencia autofinanciada, tanto de pre como de postgrado, en las carreras que se cursan en las Universidades Médicas Cubanas.

5. Ambas Partes trabajarán de manera conjunta en la promoción turística de ambos países, así como en el intercambio entre las empresas y entidades del turismo, fortaleciendo los vínculos y la cooperación entre las Agencias de Viajes de ambos países. Promoverán el suministro a Cuba de productos e insumos para el turismo por parte de empresas vietnamitas. Asimismo, desarrollarán la modalidad de turismo corporativo y de turismo de salud, a partir de las empresas vietnamitas que operan en Cuba en otros sectores y esferas de la economía.

6. La Parte cubana promoverá la realización de cursos para directivos, especialistas, investigadores y profesores de Viet Nam en el nivel de maestrías y cursos de postgrados en Cuba, así como ofertará cursos especializados de idioma español en las instituciones educacionales de Viet Nam.

7. La Parte cubana promoverá la exportación de servicios y tecnologías a Viet Nam para la producción de caña de azúcar.

8. La Parte cubana promoverá la exportación de los servicios profesionales de la construcción, incluyendo diseño e ingeniería.

9. La Parte cubana promoverá la exportación de servicios profesionales de la cultura, en esferas como la gestión cultural, la enseñanza artística, el trabajo cultural comunitario y el diseño de programas culturales.

Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế
Bộ Ngoại giao

10. La Parte cubana promoverá la exportación de servicios para el control de plagas y el empleo para ello de los bio-productos desarrollados por el Grupo Empresarial cubano LABIOFAM.

11. Ambas Partes desarrollarán iniciativas que propicien la introducción de los productos vietnamitas en los países de América Latina y el Caribe, y de productos cubanos en los mercados asiáticos, particularmente en el Sudeste Asiático, a partir de utilizar la presencia de uno u otro país en esas áreas.

12. La Parte cubana continuará las importaciones de arroz desde el mercado vietnamita, teniendo en cuenta la cadena logística estructurada y la experiencia acumulada, así como la disposición del gobierno vietnamita de continuar suministrando arroz a Cuba. La Parte vietnamita garantizará el suministro de arroz hasta 300 mil toneladas, de acuerdo a las modalidades actuales acordadas entre ambos gobiernos, teniendo en cuenta la aplicación paulatina de la práctica comercial internacional.

13. La Parte cubana incrementará las compras en el mercado vietnamita de productos de interés, como el carbón antracita, utilizado en la producción de níquel, el café, las materias primas e insumos para la industria ligera, así como bienes de consumo y los materiales e insumos con destino a diversos sectores de la economía.

II. Promover las Inversiones Conjuntas.

1. Ambas Partes promoverán la cooperación bilateral en el campo de las inversiones conjuntas.

2. Los sectores de interés para la inversión vietnamita en Cuba serán la exploración y explotación de recursos naturales, fundamentalmente petróleo y minería; las energías renovables; el desarrollo del turismo; la informática y las comunicaciones; el sector agropecuario; y la producción de envases y embalaje.

3. Ambas Partes trabajarán de conjunto en la promoción de la participación de empresas vietnamitas en la Zona Especial de Desarrollo ~~del~~ Mariel que aporten sus experiencias, suministros, asistencia técnica, tecnologías de avanzada y Know How, que resulten necesarios para el desarrollo de esa Zona.

4. Ambas Partes promoverán el intercambio de experiencias y de información sobre el proceso de atracción de la inversión extranjera, en particular vinculada al establecimiento de Zonas Especiales de Desarrollo.

Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế
Bộ Ngoại giao

III. Reforzar la Cooperación Financiera.

1. Ambas Partes trabajarán en el fortalecimiento de la cooperación financiera que coadyuve al desarrollo y profundización de las relaciones económicas y financieras entre Viet Nam y Cuba.
2. La Parte cubana garantizará el estricto cumplimiento de las obligaciones contraídas con Viet Nam.
3. Se continuará favoreciendo el intercambio bilateral entre el Ministerio de Finanzas y Precios de Cuba y el Ministerio de Finanzas de Viet Nam dado el nivel y los resultados de trabajo alcanzados hasta la fecha, en base al acuerdo de cooperación suscrito entre ambos.

Capítulo III

Sectores para la Cooperación Económica

I. Agricultura y Pesca

1. Ambas Partes fomentarán activamente la cooperación económica y comercial concentrando el trabajo en las siguientes áreas: formulación de manera conjunta de proyectos de cooperación que permitan la transferencia de tecnología, conocimiento y métodos de diagnósticos y capacitación a productores agrícolas; ejecución de los acuerdos de cooperación firmados, a saber: 4ta etapa del proyecto de desarrollo de la producción de arroz 2011-2015.
2. Ambas Partes intercambiarán información y prestarán asesoría sobre el desarrollo del modelo económico de gestión del sector agrícola existente en cada país.
3. Se promoverá entre ambas Partes el intercambio de experiencias sobre los modelos de gestión de cooperativas y pequeñas empresas agrícolas familiares, así como sobre otros temas que contribuyan al desarrollo rural y el incremento productivo.
4. Ambas Partes ampliarán la capacitación de los productores y los usufructuarios que se incorporan a la producción de alimentos con conocimientos y técnicas de producción, de gestión y de administración en el sector agropecuario, así como intercambiarán experiencias sobre los programas de créditos al sector agrícola.

Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế
Bộ Ngoại giao

5. Ambas Partes trabajarán de conjunto en proyectos de cooperación y de desarrollo tecnológico que permitan alcanzar la seguridad alimentaria y fortalecer las relaciones de cooperación, a través de la identificación de fuentes de financiamiento a las que se pueda acceder para la implementación de proyectos que contribuyan a la sustitución efectiva de importaciones en los siguientes objetivos: producción de arroz, incrementando progresivamente los niveles hasta alcanzar lo proyectado, ampliando gradualmente el proyecto conjunto de cooperación para abarcar hasta 30 mil hectáreas, aumentando el rendimiento de las áreas plantadas; producción de soya, maíz, sorgo, millo y otros granos, así como la elaboración de harina de boniato y papa, materias primas para alimento humano y animal.

6. Ambas Partes estudiarán y promoverán de conjunto el desarrollo de las cadenas productivas nacionales, promoviendo la introducción de tecnologías de post-cosechas.

7. Se fomentará un sistema integrado de intercambio de variedades con alto potencial productivo en frutos (aguacate), granos (arroz, maíz, soya), viandas (yuca) u otras, asociado a un programa de investigación y asesoramiento para generalizar su aplicación.

8. Ambas Partes concretarán la firma de acuerdos fito y zoosanitarios, con vistas a facilitar el intercambio de productos de origen animal y vegetal.

9. Se fortalecerá la cooperación en la acuicultura y la camaronicultura mediante el desarrollo de algunas especies de peces de agua dulce y de camarón, la introducción de técnicas de cultivo y de control de enfermedades.

10. Se impulsará la colaboración entre las contrapartes vietnamitas y cubanas en el sector de la pesca tales como entre el Instituto de Acuicultura RIA 1 y el Grupo Empresarial de la Industria Alimentaria (GEIA).

II. Industria

1. Ambas Partes desarrollarán y ampliarán la cooperación en el sector de la industria ligera, sobre la base del acuerdo firmado en el año 2009 entre el entonces Ministerio de la Industria Ligera de Cuba y el Ministerio de Industria y Comercio de Viet Nam. En este sentido, promoverán el desarrollo del comercio y las inversiones entre empresas vietnamitas y cubanas en las áreas de confecciones textiles, muebles, calzado, productos del plástico y envases.

2. Se promoverá la participación de las empresas vietnamitas en proyectos vinculados a la industria sidero-mecánica cubana, básicamente en las ramas de

Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế
Bộ Ngoại giao

la metalmecánica, sobre la base de la modernización y aprovechamiento de capacidades existentes que contribuyan a la sustitución de importaciones y al incremento de las exportaciones.

3. Se reactivará la cooperación con los astilleros vietnamitas y la posibilidad de suministros de materiales para la construcción naval.

4. Se promoverá la participación de las empresas vietnamitas en el desarrollo del Programa de industrialización de productos agropecuarios, principalmente lácteos, sobre la base de la ampliación de las capacidades existentes de producción de queso crema, yogurt de coágulo en potes y de leche condensada.

III. Energía

1. Ambas Partes profundizarán y ampliarán la cooperación en el campo energético.

2. Ambas Partes desarrollarán y ampliarán la cooperación entre los dos países en el campo de la exploración y explotación de yacimientos petroleros, tanto en tierra como en la Zona Económica Exclusiva de Cuba (ZEE) en el Golfo de México.

3. Se promoverá el desarrollo de la cooperación entre los dos países en el campo de las energías renovables, así como el desarrollo de aplicaciones y productos electrónicos, cuyas fuentes de energía estén basados en las energías renovables.

4. Se promoverá la participación de la Corporación Vietnamita de Servicios de Petróleo y Gas (PTSC) en el desarrollo de la Base Logística del Petróleo a establecer en la Zona Especial de Desarrollo Mariel (ZEDM)".

IV. Informática y Telecomunicaciones

1. Ambas Partes ampliarán y profundizarán la cooperación en el campo de la informática y las telecomunicaciones. Se promoverá la realización de proyectos de desarrollo y/o modernización de la industria de las telecomunicaciones de Cuba, enfocados a las exportaciones y prioridades de desarrollo nacional.

2. Ambas Partes promoverán el desarrollo de proyectos de telecomunicaciones y servicios de infraestructura en la región latinoamericana y el Caribe, con vistas a utilizar el potencial técnico cubano, así como los recursos, productos y

Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế
Bộ Ngoại giao

mercados de las empresas vietnamitas en esta área, y los que puedan ser aportados por la parte cubana.

3. Se continuarán los esfuerzos con la parte vietnamita para encontrar las bases mutuamente aceptables para participar en los proyectos que realizan empresas vietnamitas en otros países.
4. Se desarrollarán de manera conjunta productos para el sector de las telecomunicaciones, tales como: tarjetas SIM-SCRACH y otros, ya sea a través de la creación de asociaciones económicas internacionales o mediante otras vías de cooperación, con vistas a satisfacer la demanda nacional y la exportación.
5. Ambas Partes desarrollarán conjuntamente soluciones informáticas a partir de alguna forma de asociación económica internacional, donde se incluya el diseño, la producción del equipamiento y sus servicios técnicos asociados. Este proyecto contempla la producción de los diversos tipos de equipos informáticos, incluyendo los productos estándar, acorde con los intereses de la comercialización.
6. Se promoverá el desarrollo de nuevos equipos y proyectos asociados a esta esfera, a partir de contar con laboratorios de investigación y desarrollo para de forma conjunta incorporar a los servicios nuevas tecnologías y aplicaciones, destinados principalmente a la exportación.
7. Se evaluarán las posibilidades de desarrollo de proyectos de informatización de la sociedad y gobierno en línea, acorde con las experiencias e intereses manifestados por las empresas vietnamitas, incluyendo la creación de centros de datos.
8. Se promoverá la producción de tarjetas inteligentes y proyectos asociados a estos servicios. Se desarrollará de forma conjunta equipos, servicios y soluciones audiovisuales, así como de pequeños productos electrónicos, a fin de satisfacer la necesidad del mercado nacional, la rama del turismo y la exportación.

V. Salud y Biotecnología

1. Ambas Partes trabajarán por ampliar la exportación al mercado vietnamita de la mayor cantidad de los productos y tecnologías desarrolladas por el sector biotecnológico cubano, empleando diferentes modalidades y cumpliendo las regulaciones de ambos países.

Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế
Bộ Ngoại giao

2. Se profundizará la cooperación entre las entidades reguladoras de medicamentos cubana y vietnamita, como vía para acelerar las etapas y procedimientos para el registro de nuevos productos cubanos.

3. Ambas Partes fortalecerán la cooperación con vista a la firma de un acuerdo de cooperación para producir vacunas y productos biotecnológicos en Viet Nam con el fin de satisfacer la demanda en el mercado nacional y con destino a la exportación mediante la modalidad de transferencia tecnológica.

4. Ambas Partes acordaron intercambiar para lograr la suscripción de un Acuerdo de Colaboración en materia de salud entre los dos países.

VI. Turismo

1. Ambas Partes fortalecerán la cooperación en el ámbito del turismo en áreas de interés mutuo.

2. Ambas Partes promoverán entre sus empresas la inversión en el sector turístico y trabajarán por concretar el desarrollo de los proyectos de inversión de interés para ambos países.

3. La Parte cubana promoverá la formación de recursos humanos de Viet Nam en especialidades turísticas básicas en Cuba, brindará asesoría técnica o fuerza de trabajo calificada en turismo.

VII. Cámaras de Comercio

Se fortalecerá el trabajo del Comité Empresarial Cuba-Viet Nam, a través de las siguientes acciones:

1. Involucrando a un número mayor de empresas vietnamitas en la identificación de oportunidades de comercio e inversión de mutuo interés que coadyuven a diversificar las exportaciones de productos y servicios cubanos al mercado vietnamita, así como la búsqueda de suministradores y/o clientes.

2. Promocionando la Feria Internacional de La Habana con el envío oportuno de las convocatorias, cartas de invitación y las bases de participación.

3. Apoyando las misiones empresariales que se reciban, mediante la organización de programas de trabajo, la facilitación de contactos bilaterales con sus contrapartes cubanas, así como la concertación de encuentros de negocios y foros empresariales cuando corresponda.

4. Dando seguimiento a los resultados de las visitas realizadas y de los contactos comerciales en ocasión de los programas de trabajo organizados.

Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế
Bộ Ngoại giao

5. Organizando sesiones del Comité Empresarial Bilateral con vistas a mantener un contacto directo entre las comunidades empresariales de ambos países, fomentar el intercambio de intereses e identificar nuevas oportunidades comerciales y de negocios.

Capítulo IV

Mecanismos de Implementación y Seguimiento

Ambas Partes acordaron que la Comisión Intergubernamental cubano-vietnamita para la colaboración económica y científico-técnica, en virtud del actual sistema de cooperación y conforme a la presente Agenda, orientará y coordinará la cooperación bilateral y se encargará de evaluar la implementación de la presente Agenda.

Con el objetivo de implementar de manera eficiente los aspectos recogidos en la Agenda Económica Bilateral, ambas Partes negociarán y acordarán las acciones siguientes y el plan de implementación dentro de los seis meses posteriores a su firma y entrada en vigor.

Capítulo V

Disposiciones suplementarias

La presente Agenda constituye la estrategia para la orientación perspectiva de las relaciones económicas y comerciales bilaterales en los próximos cinco años.

Los proyectos y acciones concretas, según corresponda, serán acordados por los gobiernos, instituciones pertinentes y empresas de los dos países en función de las necesidades, intereses estratégicos y posibilidades de las mismas.

Los asuntos no abordados en la presente Agenda serán resueltos en forma coordinada por las partes concernientes de acuerdo con los principios establecidos.

La Agenda se aplicará de manera provisional por las Partes desde la fecha de su firma y entrará en vigor desde la fecha en que las Partes se informen mutuamente, de manera escrita y por la vía diplomática, el cumplimiento de los procedimientos legales internos de cada país para que entre en efecto.

Seis (6) meses antes de la fecha de su vencimiento, a través de negociaciones, ambas partes podrán acordar la actualización y renovación de la Agenda.

Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế
Bộ Ngoại giao

Las Partes, podrán acordar, en cualquier momento, modificaciones a la presente Agenda, las cuales deberán ser adoptadas mediante documento escrito y entrarán en vigor al momento de su suscripción.

A menos que las Partes acuerden otra cosa, los proyectos y programas que se encuentren en ejecución al momento de la terminación de la presente Agenda, continuarán desarrollándose hasta su total culminación.

Firmada en La Habana, a los 27 días del mes de marzo de 2014, en 2 originales, 1 para cada Parte, en los idiomas vietnamita y español, teniendo ambos textos igual validez.

POR EL GOBIERNO DE LA REPÚBLICA SOCIALISTA DE VIET NAM	**POR EL GOBIERNO DE LA REPÚBLICA DE CUBA**
Trinh Dinh Dung Ministro del Ministerio de la Construcción	Rodrigo Malmierca Díaz Ministro del Ministerio de Comercio Exterior y la Inversión Extranjera

Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế
Bộ Ngoại giao